

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/DS-PT

Ngày 14/3/2022

V/v: *tranh chấp quyền sử dụng đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: -Ông Đặng Văn Lộc

-Bà Trần Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Cẩm Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLPT- DS, ngày 12 tháng 01 năm 2022, về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2021/DS-ST, ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2022/QĐ – PT, ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

-Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1941. Địa chỉ: khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ là ông Lê Minh C, sinh năm 1957. Địa chỉ: khu M, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 08/3/2022) (có mặt).

-Ông Nguyễn Vĩnh E, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt)

-Bà Lê Thị Kim Th, sinh năm 1964 (có đơn xin vắng mặt)

-Bà Lê Thị Tuyết Ng, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt)

-Ông Lê Văn T, sinh năm 1980 (có mặt)

-Anh Lê Hoàng N, sinh năm 1989 (có mặt)

Cùng địa chỉ: khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

-Ông Huỳnh Dân Đ, sinh năm 1970 Nơi ĐKTT: khóm B, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Địa chỉ cư trú: khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

-Bà Lê Thị Kim H, sinh năm: 1968. Địa chỉ: khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà H là ông Huỳnh Dân Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: khóm B, phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2022).

Địa chỉ: khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trương Ngọc S (văn phòng luật sư Ngọc S) thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Huỳnh Kim V, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt)

-Huỳnh Kim Tr, sinh năm 2005

Cùng địa chỉ: khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của Huỳnh Kim Tr là ông Huỳnh Dân Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: bà Lê Thị Kim H và ông Huỳnh Dân Đ là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Vĩnh E, Lê Thị Kim Th, Lê Thị Tuyết Ng, Lê Văn T và Lê Hoàng N trình bày: cha mẹ của các nguyên đơn là ông Lê Văn L (chết năm 2003) và bà Nguyễn Thị Đ, lúc còn sống ông L có đứng tên thửa đất số 725A, diện tích 2.910m², loại đất thổ quả và thửa 725B, diện tích 220m², cùng toạ lạc khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Cha mẹ của các nguyên đơn quản lý, sử dụng hợp pháp từ sau giải phóng.

Năm 1994 bà Đ và ông L cho vợ chồng ông Đ, bà H (bà H là con ruột của ông L, bà Đ) mượn một phần đất của hai thửa đất nêu trên để mở xưởng hàn tiện kinh doanh, diện tích chiều rộng 4mét, dài 12mét, khi cho mượn không có làm giấy tờ, nhưng ông Đ và bà H có hứa khi có điều kiện sẽ trả đất, hiện nay ông Đ, bà H đã có thửa đất khác (nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Ngọc Kh).

Năm 2015 bà Đ có kêu ông Đ và bà H trả đất, hoà giải ở địa phương thì ông Đ bà H đồng ý trả đất, nhưng sau đó ông Đ, bà H không thực hiện.

Vì vậy bà Đ và những người thừa kế của ông L khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà H trả lại phần đất đã mượn thuộc thửa số 725A, diện tích 2.910m², loại đất thổ quả và thửa 725B, diện tích 220m², cùng toạ lạc khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, phần nhà xưởng và công trình trên đất thì ông Đ, bà H tự tháo dỡ di dời, bà Đ không hỗ trợ chi phí.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/10/2020 các nguyên đơn yêu cầu ông Huỳnh Dân Đ và bà Lê Thị Kim H phải tháo dỡ nhà trả lại cho các nguyên đơn diện tích đất 43.4m² thuộc thửa 159, tờ bản đồ số 54, toạ lạc tại khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Tại đơn phản tố ngày 12/5/2021 ông Huỳnh Dân Đ và bà Lê Thị Kim H trình bày: nếu phía nguyên đơn muốn nhận lại diện tích đất 43.4m², thuộc thửa 159, tờ bản đồ số 54, toạ lạc tại khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long thì phải trả cho các bị đơn các khoản chi phí như sau:

- Chi phí di dời và làm xưởng mới:
- + Công thợ, vật tư: 100.000.000 đồng
- + Vô điện một pha xuống bình: 150.000.000 đồng
- + Dây điện, bóng đèn, cầu dao: 15.000.000 đồng
- Chi phí bồi đắp, cải tạo đất: 50.000.000 đồng.
- Tổng cộng: 315.000.000đ
- Trả lại 2.5 lượng vàng 24K

Tại đơn phản tố bổ sung ngày 08/7/2021 ông Huỳnh Dân Đ và bà Lê Thị Kim H yêu cầu công nhận cho ông bà được quyền sử dụng thửa 159, diện tích 43.4m², đất ở đô thị, tọa lạc tại B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2021/DS-ST, ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã xử:

Căn cứ vào các Điều 5, 35, 39, 147, 165, 166, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166 và 167 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 100 và 203 của Luật đất đai năm 2013. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Vĩnh E, Lê Thị Kim Th, Lê Thị Tuyết Ng, Lê Văn T và Lê Hoàng N.

Buộc ông Huỳnh Dân Đ và bà Lê Thị Kim H trả lại quyền sử dụng đất thuộc tách thửa 159, diện tích 43.4m², tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận cho bà Nguyễn Thị Đ được quyền sử dụng tách thửa 159, diện tích 43.4m², tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Cụ thể gồm các mốc 1-2-3-4-1. (Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/9/2021).

Bà Nguyễn Thị Đ được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Dân Đ và bà Lê Thị Kim H: không chấp nhận yêu cầu công nhận tách thửa 159, diện tích 43.4m², tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long cho ông Huỳnh Dân Đ và bà Lê Thị Kim H.

Không chấp nhận yêu cầu của các bị đơn buộc nguyên đơn phải bồi thường chi phí di dời và làm xưởng ở địa điểm mới với số tiền 315.000.000 đồng (ba trăm mười lăm triệu đồng).

Riêng đối với yêu cầu của ông Đ, bà H về việc buộc bà Đ trả lại số vàng 2.5 chỉ 24K thì ông Đ xin rút lại yêu cầu này, nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

Dành riêng cho ông Huỳnh Dân Đ, bà Lê Thị Kim H một vụ kiện dân sự khác về việc yêu cầu chia thừa kế khi có yêu cầu.

2.Về vật kiến trúc và thiết bị nhà xưởng: Buộc ông Huỳnh Dân Đ và bà Lê Thị Kim H di dời toàn bộ căn nhà kết cấu nhà dạng độc lập, khung bê tông cốt thép, không móng lán xi măng (đá 4x6), vách tường mái tole không trần, ngang 4.1m, dài 10.9m, diện tích 44.69m² và các máy móc làm xưởng tiện gồm: 01 máy mài

cột, 01 máy tiện, 01 máy hàn, 01 máy phát điện, 04 máy xới, 01 máy đánh bóng và toàn bộ vật dụng khác nằm trên thửa 159, diện tích 43.4m², tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại Khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Đ về việc hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời và giá trị căn nhà và toàn bộ các thiết bị xưởng tiện trên thửa 159 cho ông Huỳnh Dân Đ và bà Lê Thị Kim H với số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/11/2021 bị đơn ông Huỳnh Dân Đ và bà Lê Thị Kim H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận thửa đất số 159, diện tích 43.4m², đất ở đô thị, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long cho ông Đ và bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu công nhận cho bị đơn phần đất tranh chấp 43,4m², loại đất ở đô thị, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long và tự nguyện trả giá trị đất cho nguyên đơn 50.000.000đ.

Đại diện cho nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm, yêu cầu bị đơn trả đất và hỗ trợ chi phí di dời 50.000.000đ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu quan điểm:

Phía bị đơn không phủ nhận nguồn gốc đất là của ông L, bà Đ. Năm 1994 ông L kê khai thửa 158, nhưng không kê khai thửa 159 do trừ phần đất đã cho chị H nên ông L không kê khai. Đối với chị H do con ruột nghĩ là cha mẹ cho thì ở nên không quan tâm việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Công văn của UBND thị xã Bình Minh trả lời cho Tòa án là đất chưa ai kê khai, đăng ký trong khi chị H và anh Đ sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1994 đến nay. Năm 1994 xây nhà kiên cố, đến năm 2005 nâng nền, sửa nhà không ai ngăn cản tranh chấp. Khi cho là đất cây lâu năm do chị H xây nhà nên mới được nhà nước công nhận đất thổ, vợ chồng chị H đã làm tăng giá trị đất. Bị đơn có nhu cầu sử dụng đất, làm cơ sở kinh doanh, thời gian gần đây kinh doanh không hiệu quả là do tình hình dịch bệnh chung. Để đảm bảo cuộc sống hàng ngày của bị đơn là tiếp tục hoạt động kinh doanh, là nhu cầu thiết yếu, việc sử dụng đất của bị đơn không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của nguyên đơn. Thửa 158 của nguyên đơn mặt tiền còn 15 mét thì không thể nói phần đất tranh chấp

ảnh hưởng đến đất của nguyên đơn. Yêu cầu phản tố của các bị đơn là chính đáng và hợp pháp. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn trả giá trị đất cho nguyên đơn 50.000.000đ. Từ những cơ sở nêu trên Luật sư đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, công nhận cho các bị đơn được sử dụng thửa đất số 159, diện tích 43.4m², đất ở đô thị, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Công nhận sự tự nguyện của bị đơn trả giá trị đất cho nguyên đơn 50.000.000đ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm: phần đất tranh chấp là của ông L và bà Đ, năm 1994 nguyên đơn cho bà H và ông Đ mượn để làm cơ sở sản xuất kinh doanh, cho mượn không có làm giấy tờ là vì cha mẹ con ruột, nhưng bà H có hứa khi nào làm ăn đạt được mục đích thì trả lại đất. Nay các bị đơn đã có nhà đất khác nên bà Đ yêu cầu lấy lại đất. Nguyên nhân phần đất tranh chấp chưa được cấp giấy CNQSDĐ là do khi được cấp giấy CNQSDĐ thửa 158 bà Đg không biết. Hòa giải tại địa phương cũng như hòa giải tại Tòa án cấp sơ thẩm, phía bị đơn cũng đồng ý trả đất, nhưng sau đó không thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn di dời nhà trả đất, nhưng không nói thời gian nào di dời là thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm. Luật sư đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 166, 168, 494, 496, 499 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, 203 Luật đất đai 2003 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm và buộc bị đơn trong thời hạn 30 ngày phải tháo dỡ di dời nhà trả lại đất cho nguyên đơn. Nguyên đơn hỗ trợ chi phí di dời 50.000.000đ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: nguồn gốc đất tranh chấp nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận là của bà Đ và ông L chết để lại. Căn cứ sơ đồ thửa đất 725A và 725B tại biên bản xác minh đo đạc lập ngày 19/3/2004 thể hiện khi bà H đo đạc diện tích 85m² thừa kế của

ông ngoại có hướng đông, hướng Nam giáp ông Lê Văn L và được bà H ký tên xác nhận, tại phiên tòa ông Đ xác nhận diện tích 85m² có vị trí giữa thửa 159 và 158 của bà Đ. Như vậy bà H cũng thừa nhận thửa 159 của bà Đ. Tại biên bản hòa giải cơ sở ngày 05/6/2015 ông Đ thống nhất trả lại phần đất làm xưởng cho bà Đ, biên bản hòa giải ngày 12/5/2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh ông Đ trình bày nếu bà Đ đồng ý hỗ trợ chi phí di dời thì đồng ý di dời trả đất. Bị đơn cho rằng cha mẹ tặng cho đất nhưng không có chứng cứ chứng minh tặng cho hợp pháp nên có nghĩa vụ phải trả đất lại cho nguyên đơn. Về số tiền 50.000.000đ bà Đ hỗ trợ cho ông Đ bao gồm chi phí di dời, chi phí thuê tháo dỡ nhà, nâng nền nhà, không có chi phí xây dựng nhà. Vì vậy giao căn nhà cho nguyên đơn quản lý, sử dụng và buộc nguyên đơn trả giá trị căn nhà cho bị đơn theo giá Hội đồng định giá là phù hợp theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* các bị đơn bà Lê Thị Kim H và ông Huỳnh Dân Đ kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định, nên kháng cáo của các bị đơn được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[1] Xét kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Kim H và ông Huỳnh Dân Đ:

Bà Lê Thị Kim H và ông Huỳnh Dân Đ yêu cầu công nhận cho ông bà thừa đất 159, diện tích 43.4m², đất ở đô thị, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Xét về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Đ, vào năm 1994 ông L và bà Đ cho bà H là con ruột và anh Đ là con rể mượn làm nơi ở và kinh doanh hàn tiện. Sau khi được cho đất bà H và ông Đ san lấp mặt bằng mở cơ sở hàn tiện trên đất đó cho đến nay. Sự việc này các bên đều thừa nhận nên không phải chứng minh.

Tại Công văn số 125/UBND-NC ngày 20/01/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh trả lời cho Tòa án cấp sơ thẩm: Qua kết quả tra cứu tư liệu địa chính hiện tại thì thửa đất số 159, diện tích 43.4m², tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa có tên người sử dụng đất.

Tại biên bản hòa giải cơ sở ngày 05/6/2015 ông Đ đồng ý trả lại phần đất tranh chấp cho bà Đ, biên bản hòa giải ngày 12/5/2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh ông Đ trình bày nếu bà Đ đồng ý hỗ trợ chi phí di dời thì đồng ý di dời trả đất. Chứng tỏ bị đơn thừa nhận là đất cho mượn nên mới đồng ý trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ cho rằng cha mẹ cho đất là không có căn cứ, vì bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh tặng cho đất hợp pháp. Quá trình sử dụng bị đơn không kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Hơn nữa hiện nay bị đơn đã có chỗ ở khác. Tại Tòa ông Đ trình bày thời gian gần đây kinh doanh hàn tiện không hiệu quả có dự tính di dời xưởng về thành phố Vĩnh Long để phát triển kinh doanh. Từ đó cho thấy các máy móc trang thiết bị phục vụ cho việc hàn tiện có thể di dời, không gây thiệt hại cho bị đơn.

Trên đất có căn nhà do bị đơn xây dựng, theo biên bản định giá tài sản ngày 06/8/2020 của Hội đồng định giá, căn nhà có giá trị là 32.837.000đ. Tại cấp sơ thẩm bà Đ đồng ý hỗ trợ số tiền 50.000.000đ là hỗ trợ chi phí di dời, chi phí thuê tháo dỡ nhà, nâng nền nhà, không có chi phí xây dựng nhà. Khi ông Đ bà H trả đất không thể di dời căn nhà được, nếu tháo dỡ nhà sẽ gây thiệt hại cho phía bị đơn, vì vậy giao căn nhà cho nguyên đơn quản lý, sử dụng và nguyên đơn phải trả giá trị căn nhà 32.837.000đ cho bị đơn theo giá Hội đồng định giá là phù hợp.

Ngoài ra trên thửa đất tranh chấp còn có các tài sản của bà H và ông Đ như 01 máy mài cốt, 01 máy tiện, 01 máy hàn, 01 máy phát điện, 04 máy xoay, 01 máy đánh bóng. Theo biên bản định giá của cấp sơ thẩm các loại máy này không di dời bằng công mà phải di dời bằng cần cẩu và tốn công di dời. Vì vậy cần phải cho bị đơn một thời gian nhất định để di dời tài sản trả đất cho nguyên đơn.

Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn có căn cứ nên được chấp nhận.

Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[2] Từ những nhận định trên: Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên. Sửa bản án sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh. Buộc bà Lê Thị Kim H và ông Huỳnh Dân Đ phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ thửa đất số 159, diện tích 43.4m², tờ bản đồ số 54, đất ở tại đô thị, tọa lạc tại khóm B A,

phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long là tài sản chung của ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Đ.

Bà Nguyễn Thị Đ có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Pháp luật.

[3] Giao cho bà Nguyễn Thị Đ được quản lý, sử dụng căn nhà kết cấu nhà dạng độc lập, khung bê tông cốt thép, không móng lán xi măng (đá 4x6), vách tường mái tole không trần, ngang 4.1m, dài 10.9m, diện tích 44.69m² trên thửa đất tranh chấp.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ bồi hoàn giá trị căn nhà cho ông Huỳnh Dân Đ và bà Lê Thị Kim H số tiền 32.837.000đ và công nhận sự tự nguyện của bà Đ hỗ trợ chi phí di dời số tiền 50.000.000đ, tổng cộng 82.837.000đ.

Buộc bà H và ông Đ di dời toàn bộ tài sản ra khỏi thửa đất 159 để trả đất cho nguyên đơn. Thời gian di dời trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ các Điều 26, Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do sửa án sơ thẩm nên bà Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 4.441.850đ, nhưng bà Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí theo điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Hoàn trả cho các nguyên đơn 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai số 009998 ngày 17/12/2019 và biên lai số 0010926 ngày 06/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc bà Lê Thị Kim H và ông Huỳnh Dân Đ phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 900.000đ theo biên lai số 0010828 ngày 13/5/2021 và biên lai số 0010829 ngày 13/5/2021 và biên lai số 0010938 ngày 23/9/2021 tại chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Hoàn trả cho cho bà Lê Thị Kim H và ông Huỳnh Dân Đ 600.000đ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Dân Đ và bà Lê Thị Kim H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 148 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166, 168 Bộ luật dân sự 2015, Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Vĩnh E, Lê Thị Kim Th, Lê Thị Tuyết Ng, Lê Văn T và Lê Hoàng N.

2. Buộc ông Huỳnh Dân Đ và bà Lê Thị Kim H trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ thửa đất số 159, diện tích 43.4m², tờ bản đồ số 54, đất ở tại đô thị, tọa lạc tại khóm B A, phường T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long là tài sản chung của ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Đ.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/9/2020 của phòng tài nguyên và môi trường thị xã Bình Minh).

Bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Giao cho bà Nguyễn Thị Đ được quản lý, sử dụng căn nhà kết cấu nhà dạng độc lập, khung bê tông cốt thép, không móng lán xi măng (đá 4x6), vách tường mái tole không trần, ngang 4.1m, dài 10.9m, diện tích 44.69m² trên thửa đất nêu trên.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ hoàn trả giá trị căn nhà cho ông Huỳnh Dân Đ và bà Lê Thị Kim H số tiền 32.837.000đ và chi phí di dời 50.000.000đ, tổng cộng 82.837.000đ (tám mươi hai triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc ông Huỳnh Dân Đ và bà Lê Thị Kim H phải di dời toàn bộ tài sản ra khỏi đất để trả đất cho bà Đ. Thời gian di dời trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị Đ do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Hoàn trả cho các nguyên đơn Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Vĩnh E, Lê Thị Kim Th, Lê Thị Tuyết Ng, Lê Văn T và Lê Hoàng N số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai số 009998 ngày 17/12/2019 và biên lai số 0010926 ngày 06/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc bà Lê Thị Kim H và ông Huỳnh Dân Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0010828 ngày 13/5/2021 và biên lai số 0010829 ngày 13/5/2021 và biên lai số 0010938 ngày 23/9/2021 tại chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Hoàn trả cho cho bà Lê Thị Kim H và ông Huỳnh Dân Đ 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim H 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0012394 ngày 30/12/2021 và trả cho ông Huỳnh Dân Đ 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0012284 ngày 12/11/2021 tại chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

6. Các quyết định của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cùng cấp;
- TAND TX Bình Minh;
- CC THADSTX Bình Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình